

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 5 – 2018

“V/v ly hôn giữa
anh Ngh và chị Nh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Hữu Ngh - Sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 179, tổ 4, ấp Phú Đ, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Phú Đ xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đào Hữu Ngh trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2013 anh và chị Nguyễn Thị Nh tìm hiểu về tình cảm và hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th, Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2014 ngày 19/4/2014. Vợ chồng sống bình thường, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cự cãi và không thể sống chung, từ năm 2016 đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh yêu

cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh. Ngày 19/4/2018 anh Ngh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản (Bản tự khai) ngày 30/4/2018 gửi cho Tòa án, chị Nguyễn Thị Nh trình bày như trình bày trên của anh Ngh về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nên cự cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, anh Ngh xin ly hôn, chị đồng ý và chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đào Thị Bảo N, sinh ngày 08/6/2014 hiện nay đang sống với anh Ngh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng, Chị Nh đồng ý giao con cho anh Ngh tiếp tục nuôi.

- Về chia tài sản và nợ chung: Anh Ngh và chị Nh trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Đào Hữu Ngh khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị Nh, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngh và chị Nh đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ngh và chị Nh.

[2] Hôn nhân của anh Ngh và chị Nh. là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, có thời gian ly thân từ năm 2016 đến nay, trong thời gian dài ly thân anh, chị cũng không có hàn gắn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn của anh Ngh và chị Nh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ngh yêu cầu ly hôn và chị Nh đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của anh Ngh là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ngh, cho ly hôn giữa anh Ngh và chị Nh.

[3] Về nuôi con chung: Anh Ngh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đào Thị Bảo N, con đang sống với anh Ngh, chị Nh đồng ý giao con cho anh Ngh nuôi. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ngh được trực tiếp nuôi cháu N và anh không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng, nên chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh Ngh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Hữu Ngh và chị Nguyễn Thị Nh.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Đào Thị Bảo Nh – Sinh ngày 08/6/2014 cho anh Đào Hữu Ngh được tiếp tục nuôi, hiện nay anh Ngh đang nuôi. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đào Hữu Ngh phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0016731 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

